

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày: 30-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tường;
2. Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Nhà Văn hóa Ủy ban nhân dân xã Ba Tô, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981, tại: Huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hre; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn A (sinh 1929) và Phạm Thị P (sinh 1953); vợ: Phạm Thị V và 02 con (Lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2021 cho đến nay (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q:* Ông Nguyễn Chí K- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa

chỉ trụ sở làm việc: Số 108, đường Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

** Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã T, huyện B.

Đại diện cho Ủy ban nhân dân xã T: Ông Đinh S, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị V, sinh năm 1983. (có mặt).

Địa chỉ: thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990. (có mặt).

2. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1992. (có mặt).

Cùng địa chỉ: thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1999. (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Làng X, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn T1, Công tác tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng, ngày 10/6/2021, Hạt kiểm lâm huyện B phối hợp với lực lượng chức năng xã T, phát hiện tại khu vực suối N, thuộc lô 8 khoảnh 5, tiểu khu 393, xã T, huyện B, phát hiện có diện tích rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật 4.619m² (Bốn nghìn sáu trăm mười chín mét vuông).

Trong quá trình điều tra xác minh xác định: Phạm Văn Q (1981), ở thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; là người đã thực hiện hành vi chặt phá cây rừng trái pháp luật với diện tích rừng nói trên. Qua kiểm tra thực địa, xác định ranh giới, mốc giới, vị trí và diện tích rừng bị chặt phá trái phép, tổ chức khám nghiệm hiện trường xác định, diện tích rừng của đối tượng Phạm Văn Q chặt phá trái pháp luật là 4.619m², là rừng tự nhiên được quy hoạch là rừng phòng hộ đầu nguồn.

Ngày 07/9/2021 Cơ quan Hạt Kiểm lâm huyện B, đã Kiến nghị đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B để xử lý theo thẩm quyền.

Trong trình điều tra Cơ quan điều tra công an huyện B xác định: Vào khoảng tháng 6/2021, Phạm Văn Q nảy sinh ý định chặt phá cây rừng để lấy đất trồng keo, nên đến khu vực tại suối N, thuộc lô 8, khoảnh 5, tiểu khu 393, xã T, huyện Ba Tơ sử dụng rựa phát luồng dây leo, bụi rậm, chặt hạ những cây gỗ nhỏ và sử dụng máy cưa xăng để cưa hạ những cây gỗ lớn trong thời gian 06 (sáu) ngày, gây thiệt hại 4.619 m² rừng tự nhiên được quy hoạch cho lâm nghiệp là phòng hộ đầu nguồn. Trong quá trình thực hiện hành vi phá rừng trái pháp luật tại suối N, thuộc Lô 8, Khoảnh 5, Tiểu khu 393, xã T, huyện B, Phạm Văn Q chỉ làm một mình, không có ai cùng tham gia.

Kết luận giám định số 726/CCKL-KLGD Ngày 07/10/2021 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi có kết luận:

- Có rừng bị thiệt hại tại vị trí mà Hạt Kiểm lâm huyện B xác lập Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 16/6/2021. Loại rừng bị thiệt hại là rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt (TXK).

- Vị trí rừng bị phá nằm ở Lô 8, Khoảnh 5, Tiểu khu 393, xã T, huyện B (theo Tờ Bản đồ diễn biến rừng năm 2020 huyện B). Diện tích rừng bị thiệt hại là 4.619 m² (Bốn ngàn sáu trăm mười chín mét vuông).

- Trữ lượng rừng bình quân theo lô (M/ha) là 25,774 m³/ha. Sản lượng gỗ bị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá là 11,905 m³; trong đó, gỗ dưới cành là 10,165 m³ và gỗ trên cành là 1,740 m³.

- Chức năng quy hoạch cho lâm nghiệp: Phòng hộ đầu nguồn.

- Chủ quản lý: UBND xã T.

Kết luận định giá số 15/KL-HĐDGTS ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện Ba Tơ kết luận: Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại và giá trị môi trường bị thiệt hại là 14.797.845đ (Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng)

Vật chứng thu giữ, xử lý vật chứng: 01(một) cái rựa có chiều dài 56cm, phần cán gỗ tròn dài 30cm, phần lưỡi rựa bằng kim loại dài 26cm, trên thân lưỡi có 03 hình ngôi sao và 01 (một) máy cưa xăng, thân máy màu cam, có nhãn hiệu CARTON, lam cưa và xích đã tháo rời (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật bên trong).

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 26/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn Q về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 243 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 243; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 12 tháng đến 16 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 14.797.845đ (Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Đại diện cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền Hội đồng định giá về tài sản đã xác định. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết khác để áp dụng hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội: Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 09 giờ 30 phút ngày 15/9/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B bút lục 73, 74, 75 xác định thì diện tích rừng do Phạm Văn Q chặt phá là 4.619 m².

Tại biên bản kiểm tra hiện trường hồi 08 giờ 30 phút ngày 10/6/2021 bút lục 01, 02, 03; biên bản kiểm tra hiện trường hồi 08 giờ 15 phút ngày 16/6/2021 bút lục 07, 08, 09, 10, 1; Kết luận giám định số 726/CCKL-KLGD Ngày 07/10/2021 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi xác định: Vị trí rừng bị phá nằm ở Lô 8, Khoảnh 5, Tiểu khu 393, xã T, huyện B (theo Tờ Bản đồ diễn biến rừng năm 2020 huyện B). Diện tích rừng bị thiệt hại là 4.619 m² (Bốn ngàn sáu trăm mười chín mét vuông). Trữ lượng rừng bình quân theo lô (M/ha) là 25,774 m³/ha. Sản lượng gỗ bị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá là 11,905 m³; trong đó, gỗ dưới cành là 10,165 m³ và gỗ trên cành là 1,740 m³. Loại rừng bị thiệt hại là rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt (TXK). Chức năng quy hoạch cho lâm nghiệp: Phòng hộ đầu nguồn.

Kết luận định giá số 15/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện B xác định: Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại và giá trị môi trường bị thiệt hại là 14.797.845đ (Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng)

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Phạm Văn Q có tội. Hành vi của bị cáo được phát hiện từ ngày 10/6/2021 và khởi tố vụ án ngày 07/10/2021, khởi tố bị can ngày 07/10/2021. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Q đã khai báo và thừa nhận hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố. Các chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phạm Văn Q có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội: Bị cáo Phạm Văn Q đã hủy hoại với mức độ thiệt hại trên diện tích rừng bị phá là 4.619 m², trữ lượng rừng bình quân theo lô (M/ha) là 25,774 m³/ha. Sản lượng gỗ bị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá là 11,905 m³; trong đó, gỗ dưới cành là 10,165 m³ và gỗ trên cành là 1,740 m³. Loại rừng bị thiệt hại là rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt (TXK). Chức năng quy hoạch cho lâm nghiệp: Phòng hộ đầu nguồn. Mức độ thiệt hại 100%. Tổng giá trị thiệt hại tính bằng tiền theo kết luận định giá tài sản của cơ quan định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 14.797.845đ. Với diện tích và giá trị thiệt hại về tài sản cho Nhà nước như đã nhận định ở trên thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về

tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cao nhất từ 01 đến 05 năm tù.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Phạm Văn Q là người dân tộc Hre sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, mặc dù chính quyền địa phương cũng như các ban ngành đoàn thể ở xã, thôn đã tuyên truyền về chính sách phát triển, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ nhưng do bị cáo nhận thức không đầy đủ nên để có diện tích làm nương rẫy phục vụ cho nhu cầu của cuộc sống bị cáo đã cố tình phạm tội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tích cực tự nguyện nộp số tiền 14.797.845đ để khắc hậu quả. Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết khác để áp dụng hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo Phạm Văn Q. Đề nghị của Luật sư Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Phạm Văn Q.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chặt, phá rừng phòng hộ gây thiệt hại về trữ lượng rừng với giá trị là 14.797.845 đồng. Đây là tài sản của Nhà nước nên cần căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho Nhà nước. UBND xã T, huyện B là cơ quan đại diện nhận số tiền bồi thường của bị cáo đối với Nhà nước.

[9] Về vật chứng: Vật chứng của vụ án là một 01(một) cái rựa có chiều dài 56cm, phần cán gỗ tròn dài 30cm, phần lưỡi rựa bằng kim loại dài 26cm, trên thân lưỡi có 03 hình ngôi sao và 01 (một) máy cưa xăng, thân máy màu cam, có nhãn hiệu CARTON, lam cưa và xích đã tháo rời (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật bên trong), thu giữ của bị cáo là phương tiện bị cáo sử dụng chặt phá cây rừng. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số lượng gỗ bị chặt phá không bị đốt nhưng do thời gian đã bị khai mục, không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[12] Các vấn đề khác: Bị cáo có nói với vợ là Phạm Thị V về việc đi phát rẫy nhưng không nói rõ là phát rừng thuộc rừng phòng hộ, không có bản bạc gì. Phạm Thị Vi không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Văn Q đến khi có Quyết định thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357, 584, Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền: 14.797.845đ (Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng). Bị cáo đã nộp số tiền 14.797.845đ (Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng) theo ủy nhiệm chi ngày 29/10/2021 giữa cơ quan Công an huyện Ba Tơ và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ và biên lai thu tiền số 0001407 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Ủy ban nhân dân xã Ba Tô, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi đại diện nhận số tiền trên.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) cái rựa có chiều dài 56cm, phần cán gỗ tròn dài 30cm, phần lưỡi rựa bằng kim loại dài 26cm, trên thân lưỡi có 03 hình ngôi sao.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) máy cưa xăng, thân máy màu cam, có nhãn hiệu CARTON, lam cưa và xích đã tháo rời (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật bên trong)

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 30 phút ngày 28/10/2021 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

5. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo có giá ngạch cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Phạm Văn Q, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/11/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ;
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Văn Ngoan

